TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 01 - 2020
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Trị

Ông Nguyễn Chí Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 154/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Cẩm Q, sinh năm 1985

Địa chỉ: Phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Lu Yi N, sinh năm 1981

Địa chỉ: Đài Loan.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Cẩm Q trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Lu Yi N quen biết nhau thông qua mai mối nhưng có thời gian tìm hiểu nhau, sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/7/2008, vào sổ đăng ký kết hôn số 487, quyển số II, ngày 06/8/2008. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, do bất đồng nhau về ngôn ngữ, văn hóa nên giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đồng thời, bị đơn trở về Đài Loan và không có ý định bảo lãnh bà qua sống cùng. Cả hai đã không liên lạc từ tháng 10/2008 cho đến nay. Nay bà nhận thấy không còn tình

cảm gì với bị đơn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lu Yi N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lu Yi N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn trong vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền và xác định quan hệ pháp luật, Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ở nước ngoài bằng cả hai cách theo quy định, nhưng do phía bị đơn không hợp tác nên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung: Giữa bà Huỳnh Thị Cẩm Q và ông Lu Yi N quen biết nhau thông qua mai mối và có thời gian tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ngày 31/7/2008. Tuy nhiên, sau khi kết hôn do bất đồng về ngôn ngữ, văn hóa nên cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn và ông Lu Yi N không bảo lãnh bà Q qua Đài Loan, từ đó cả hai không còn liên lạc với nhau. Xét thấy, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có và không yêu cầu giải quyết các mối quan hệ này nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Cẩm Q đối với ông Lu Yi N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị Cẩm Q và ông Lu Yi N quen biết nhau và tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/7/2008, vào sổ đăng ký kết hôn số 487, quyển số II, ngày 06/8/2008. Do đó, hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Cẩm Q và ông Lu Yi N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ khi có yêu cầu của đương sự. Do ông Lu Yi N có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) nên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý và giải quyết phù hợp với quy định tại Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp để tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Lu Yi N theo Công văn số 238/TATPCT-HN ngày 23/4/2019. Căn cứ theo Công văn số 2365/BTP-PLQT ngày 29/7/2019 của Bộ Tư pháp thông báo kết quả thể hiện đã tống đạt hồ sơ trực tiếp cho ông Lu Yi N. Tuy nhiên, ông Lu Yi N không có mặt để tham gia phiên tòa. Về phía nguyên đơn thì đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Huỳnh Thị Cẩm Q và ông Lu Yi N có đăng ký kết hôn và có tổ chức lễ cưới tại Việt Nam. Tuy nhiên, do bất đồng về ngôn ngữ, văn hóa nên giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đồng thời, bị đơn trở về Đài Loan và không có ý định bảo lãnh bà qua sống cùng. Từ đó, cả hai đã không còn liên lạc với nhau từ năm 2008 cho đến nay. Bà Quyên đã nhiều lần tìm cách để liên hệ với bị đơn nhưng không được. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Cẩm Q và ông Lu Yi N thời gian kết hôn quá ngắn, không có điều kiện vun đắp tình cảm. Hai người sống ở hai quốc gia khác nhau và hiện nay đã cắt đứt liên lạc. Hiện tại ông, bà cũng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân của ông bà đã không còn hạnh phúc. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Cẩm Q là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Xét về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có con chung, tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết, đồng thời bị đơn không có ý kiến gì về các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các mối quan hệ này thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[5] Về chi phí ủy thác tư pháp: Bà Q phải chịu chi phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát như đã nêu là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 479 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 121, khoản 2 Điều 123 và khoản 1 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Cẩm Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Cẩm Q được ly hôn với ông Lu Yi N.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các mối quan hệ này thì đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Cẩm Q phải chịu án phí là 300.000 đồng. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001454 ngày 25/02/2019 do Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã thu sang thành án phí.

4. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Huỳnh Thị Cẩm Q phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp theo biên lai thu số 0003869 ngày 22/4/2019 do Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã thu. Công nhận bà Q đã nộp xong.

Án xử công khai sơ thẩm, bà Huỳnh Thị Cẩm Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; ông Lu Yi N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ; để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo luật định.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Cục THADS TPCT;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Bình